



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 11

Số 64 (01/11/2007)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>		
12-10-2007	- Quyết định số 125/2007/QĐ-UBND phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tại thành phố Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg, ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.	3
16-10-2007	- Quyết định số 4702/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1.	7
16-10-2007	- Quyết định số 4715/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh.	12
20-10-2007	- Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.	16

- 22-10-2007 - Quyết định số 4809/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp địa phương thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025. 37
- 23-10-2007 - Quyết định số 4821/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ. 47
- 23-10-2007 - Quyết định số 4830/QĐ-UBND về duyệt dự án Cải thiện thu nhập hộ nông dân thông qua sản xuất nông nghiệp tổng hợp hợp tác giữa Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh với tổ chức Heifer International (Mỹ). 55

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- 01-10-2007 - Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND về ban hành mức thu phí chợ Tân Bình, Phạm Văn Hai, Hoàng Hoa Thám, Bàu Cát. 58

**THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 125/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng  
tại thành phố Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg,  
ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và quy hoạch lại 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất);

Căn cứ Văn bản số 267/BNN-LN ngày 25 tháng 01 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thẩm định kết quả rà soát và quy hoạch lại 3 loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2007/NQ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc xét duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Văn bản số 1370/SNN-KHTC ngày 05 tháng 10 năm 2007 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố về việc báo cáo kết quả rà soát và quy hoạch lại 3 loại rừng,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng trên địa bàn thành

phố Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ với nội dung như sau:

1. Về kết quả rà soát 3 loại rừng trên địa bàn thành phố (thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006):

Tổng diện tích đất lâm nghiệp đã thực hiện rà soát: 36.183,08ha; trong đó:

- Đất có rừng: 33.532,76ha
- + Rừng tự nhiên: 12.079,94ha
- + Rừng trồng: 21.452,82ha
- Đất chưa có rừng 2.650,32ha.

1.1. Phân theo chức năng:

- Rừng đặc dụng: 29,92ha (đất có rừng: 26,35ha; đất chưa có rừng: 3,57ha).
- Rừng phòng hộ: 33.860,00ha (đất có rừng: 31.217,25ha; đất chưa có rừng: 2.642,75ha).
- Rừng sản xuất: 2.293,16ha (đất có rừng: 2.289,16ha; đất chưa có rừng: 4,00ha).

1.2. Phân theo đơn vị hành chính: Các quận huyện có rừng và đất lâm nghiệp:

- Huyện Cần Giờ: 34.523,66ha (rừng phòng hộ 33.086,3ha; rừng sản xuất 1.437,27ha).
- Huyện Bình Chánh: 821,42ha (rừng đặc dụng 29,92ha; rừng phòng hộ 262,68ha; rừng sản xuất 528,82ha).

- Huyện Củ Chi: 503,39ha (rừng phòng hộ 490,39ha; rừng sản xuất 13,00ha).

- Huyện Hóc Môn: 278,01ha (rừng sản xuất 278,01ha).

- Quận 9: 56,61ha (rừng phòng hộ: 20,55ha; rừng sản xuất: 36,06ha)

1.3. Phân cấp phòng hộ:

Diện tích cấp ít xung yếu: 36.183,08ha.

2. Định hướng quy hoạch diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2010:

Tổng diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp đến năm 2010: 37.840,17ha.

2.1. Phân theo loại đất, loại rừng:

- Diện tích đất lâm nghiệp có rừng: 36.246,90ha

+ Rừng tự nhiên: 13.120,23ha

+ Rừng trồng: 23.126,67ha

- Diện tích đất lâm nghiệp không có rừng: 1.593,27ha (đất khác không có rừng quy hoạch cho rừng phòng hộ, đặc dụng: đường đi, bờ kinh mương, ao hồ, núi đá...).

## 2.2. Phân theo chức năng:

- Rừng đặc dụng: 64,98ha (rừng tự nhiên: 0,31ha; rừng trồng: 64,67ha);

- Rừng phòng hộ: 32.197,36ha (rừng tự nhiên: 11.518,45ha; rừng trồng: 19.594,62ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng: 1.084,29ha).

- Rừng sản xuất: 3.720,36ha (rừng tự nhiên: 553,1ha; rừng trồng: 1.592,18ha; đất trồng rừng sản xuất: 1.575,00ha).

## 2.3. Phân theo đơn vị hành chính:

Các quận - huyện quy hoạch có rừng và đất lâm nghiệp gồm:

- Huyện Bình Chánh: 1.494,90ha (rừng đặc dụng: 26,35ha; rừng phòng hộ: 233,17ha; rừng sản xuất: 1.204,82ha; đất khác quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng: 30,56ha).

- Huyện Cần Giờ: 34.788,66ha (rừng phòng hộ: 31.514,56ha; rừng sản xuất: 1.712,27ha; đất khác quy hoạch rừng phòng hộ: 1.561,83ha).

- Huyện Củ Chi: 1.026,96ha (rừng phòng hộ: 393,08ha; rừng sản xuất: 633,00ha; đất khác quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng: 0,88ha).

- Huyện Hóc Môn: 134,21ha (rừng sản xuất: 134,21ha).

- Quận 9: 92,67ha (rừng phòng hộ: 56,61ha; rừng sản xuất: 6,06ha).

## 2.4. Phân cấp phòng hộ:

Diện tích cấp ít xung yếu: 37.840,17ha.

### **Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý rừng: sản xuất cây giống, trồng, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo đúng quy định và chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện triển khai thực hiện tốt các chương trình dự án phát triển lâm nghiệp bền vững; duy trì, phát triển 3 loại rừng và cây xanh trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các sở - ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4702/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2007 và Quyết định số 4595/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện hai dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh và dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố tại Tờ trình số 005/TTr-HĐĐTLCNĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2007 về trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6606/TTr-SKHĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2007,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1 do Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư làm Bên mời thầu, nội dung như sau:

### I. Kế hoạch đấu thầu:

a) Giá tổng mức đầu tư làm thông tin để xác định giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm cam kết thực hiện dự án, xác định vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết tín dụng (khả năng vay) khoảng: 4.700 tỷ đồng (bao gồm: giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ di dời, giá trị dự kiến vốn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác nếu có).

Giá trị hỗ trợ cho ngân sách thành phố (nếu có) do nhà đầu tư tự tính toán.

b) Nguồn tài chính: nhà đầu tư tự thu xếp các nguồn vốn để thực hiện đầu tư và quản lý dự án.

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu rộng rãi.

d) Phương thức áp dụng: một túi hồ sơ.

e) Thời gian tổ chức đấu thầu: căn cứ hồ sơ mời thầu được duyệt, Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố tự xác định thời gian cụ thể cho từng giai đoạn.

g) Loại thỏa thuận: quy định trong hồ sơ mời thầu.

h) Thời gian thực hiện thỏa thuận:

- Thời gian lập dự án: không quá 12 tháng kể từ khi ký Bản thỏa thuận.

- Thời gian xây dựng công trình: không quá 05 năm kể từ khi hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

### II. Hồ sơ mời thầu:

Nội dung Hồ sơ mời thầu được duyệt theo Quyết định này là Hồ sơ mời thầu do Bên mời thầu trình, đã được hoàn chỉnh theo đúng yêu cầu của dự án và quy định hiện hành.

Hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1 gồm các nội dung:

1. Chỉ dẫn đối với nhà đầu tư:



- Ủy ban nhân dân quận 1 phối hợp với nhà đầu tư tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai, quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu. Nhà đầu tư có trách nhiệm đảm bảo cung cấp tài chính đúng tiến độ để thực hiện giải tỏa, hỗ trợ di dời (đã được Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2007).

- Nhà đầu tư phải tìm được địa điểm cụ thể theo quy hoạch tại phường Cô Giang hoặc phường Cầu Kho, quận 1, để xây dựng mới Trường Phổ thông trung học Ten-lơ-man trước khi thực hiện đầu tư dự án và xây dựng trường mới phải có quy mô lớn hơn, chất lượng tốt hơn Trường Phổ thông trung học Ten-lơ-man hiện hữu (đã được Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại Quyết định số 4595/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2007).

2. Bảng dữ liệu đấu thầu.

3. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.

4. Phạm vi của dự án.

5. Tiến độ thực hiện dự án.

6. Yêu cầu của dự án.

7. Các bản đồ đính kèm.

8. Các biểu mẫu dự thầu:

Mẫu số 1. Thông báo mời thầu

Mẫu số 2. Đơn dự thầu

Mẫu số 3. Báo cáo danh mục các dự án tương tự đã thực hiện

Mẫu số 4. Báo cáo danh mục các dự án tương tự đang thực hiện

Mẫu số 5. Báo cáo năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án, năng lực quản lý dự án của nhà đầu tư

Mẫu số 6. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư

Mẫu số 7. Bảo đảm dự thầu

Mẫu số 8. Bảo đảm cam kết thực hiện dự án

Mẫu số 9. Giấy ủy quyền

Mẫu số 10. Thư chào giá tăng thêm

Mẫu số 11. Bảng giá chi tiết

Mẫu số 12. Bản thỏa thuận giữa đại diện cơ quan quản lý Nhà nước và đại diện nhà đầu tư trúng thầu.

Mẫu số 13. Cam kết thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.

### **III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:**

1. Nội dung Tiêu chuẩn đánh giá được nêu chi tiết trong hồ sơ mời thầu.

2. Tiêu chuẩn năng lực kinh nghiệm, năng lực quản lý dự án, năng lực tài chính của các nhà đầu tư được đánh giá theo 02 tiêu thức “đạt” hoặc “không đạt”; thang điểm 100 điểm tương ứng với nội dung các tiêu chuẩn để đánh giá mức đáp ứng các yêu cầu chi tiết của hồ sơ mời thầu.

3. Nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu là nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, có giá đánh giá lớn hơn hoặc bằng giá sàn và có tổng giá trị cam kết hỗ trợ cho ngân sách thành phố lớn nhất.

Trong trường hợp không có nhà đầu tư nào cam kết hỗ trợ, nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu là nhà đầu tư có giá đánh giá lớn hơn hoặc bằng giá sàn và có tổng số điểm đánh giá cao nhất.

### **Hồ sơ mời thầu được phê duyệt sẽ là:**

- Căn cứ pháp lý để Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà đầu tư trúng thầu, theo dõi thực hiện bản thỏa thuận về sau.

- Căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án này.

**Điều 2.** Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu cung cấp và các yêu cầu của dự án trong hồ sơ mời thầu trình duyệt ; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1 theo đúng quy định hiện hành và nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận 1, Chủ tịch Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố và Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4715/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện hai dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh và dự án Khu tam giác Trần Hưng Đạo - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học, quận 1;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố tại Tờ trình số 006/TTr-HĐĐTLCNĐT, ngày 12 tháng 10 năm 2007 về trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6605/TTr-SKHĐT, ngày 15 tháng 10 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Kế hoạch đấu thầu, Hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

thực hiện dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh do Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư làm Bên mời thầu, nội dung như sau:

### **I. Kế hoạch đấu thầu:**

a) Giá tổng mức đầu tư làm thông tin để xác định giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm cam kết thực hiện dự án, xác định vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết tín dụng (khả năng vay) khoảng: 900 tỷ đồng (bao gồm: giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ di dời, giá trị dự kiến vốn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác nếu có).

Giá trị hỗ trợ cho ngân sách thành phố (nếu có) do nhà đầu tư tự tính toán.

b) Nguồn tài chính: nhà đầu tư tự thu xếp các nguồn vốn để thực hiện đầu tư và quản lý dự án.

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu rộng rãi.

d) Phương thức áp dụng: một túi hồ sơ.

e) Thời gian tổ chức đấu thầu: căn cứ hồ sơ mời thầu được duyệt, Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố tự xác định thời gian cụ thể cho từng giai đoạn.

g) Loại thỏa thuận: quy định trong hồ sơ mời thầu.

h) Thời gian thực hiện thỏa thuận:

- Thời gian lập dự án: không quá 12 tháng kể từ khi ký Bản thỏa thuận.

- Thời gian xây dựng công trình: không quá 03 năm kể từ khi hoàn tất công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

### **II. Hồ sơ mời thầu:**

Nội dung Hồ sơ mời thầu được duyệt theo Quyết định này là Hồ sơ mời thầu do Bên mời thầu trình, đã được hoàn chỉnh theo đúng yêu cầu của dự án và quy định hiện hành.

Hồ sơ mời thầu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh gồm các nội dung:

1. Chi dẫn đối với nhà đầu tư:

Nhà đầu tư trúng thầu phải xây dựng chợ truyền thống phục vụ tái bố trí với quy mô khoảng 1.000m<sup>2</sup> trên địa bàn phường 25, quận Bình Thạnh. Địa điểm cụ thể sẽ do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh công bố.

2. Bảng dữ liệu đấu thầu.

3. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.

4. Phạm vi của dự án.

5. Tiến độ thực hiện dự án.

6. Yêu cầu của dự án.

7. Các bản đồ đính kèm.

8. Các biểu mẫu dự thầu:

Mẫu số 1. Thông báo mời thầu

Mẫu số 2. Đơn dự thầu

Mẫu số 3. Báo cáo danh mục các dự án tương tự đã thực hiện

Mẫu số 4. Báo cáo danh mục các dự án tương tự đang thực hiện

Mẫu số 5. Báo cáo năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án, năng lực quản lý dự án của nhà đầu tư

Mẫu số 6. Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư

Mẫu số 7. Bảo đảm dự thầu

Mẫu số 8. Bảo đảm cam kết thực hiện dự án

Mẫu số 9. Giấy ủy quyền

Mẫu số 10. Thư chào giá tăng thêm

Mẫu số 11. Bảng giá chi tiết

Mẫu số 12. Bản thỏa thuận giữa đại diện cơ quan quản lý Nhà nước và đại diện nhà đầu tư trúng thầu

Mẫu số 13. Cam kết thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng

### **III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:**

1. Nội dung Tiêu chuẩn đánh giá được nêu chi tiết trong hồ sơ mời thầu.

2. Tiêu chuẩn năng lực kinh nghiệm, năng lực quản lý dự án, năng lực tài chính của các nhà đầu tư được đánh giá theo 02 tiêu thức “đạt” hoặc “không đạt”; thang điểm 100 điểm tương ứng với nội dung các tiêu chuẩn để đánh giá mức đáp ứng các yêu cầu chi tiết của hồ sơ mời thầu.

3. Nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu là nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, có giá đánh giá lớn hơn hoặc bằng giá sàn và có tổng giá trị cam kết hỗ trợ cho ngân sách thành phố lớn nhất.

Trong trường hợp không có nhà đầu tư nào cam kết hỗ trợ, nhà đầu tư được đề nghị trúng thầu là nhà đầu tư có giá đánh giá lớn hơn hoặc bằng giá sàn và có tổng số điểm đánh giá cao nhất.

**Hồ sơ mời thầu được phê duyệt sẽ là:**

- Căn cứ pháp lý để Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà đầu tư trúng thầu, theo dõi thực hiện bản thỏa thuận về sau.

- Căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án này.

**Điều 2.** Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu cung cấp và các yêu cầu của dự án trong hồ sơ mời thầu trình duyệt; tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án Khu chợ Văn Thánh, quận Bình Thạnh theo đúng quy định hiện hành và nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Chủ tịch Hội đồng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố và Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 126/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư  
sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5587/SKHĐT-TTr ngày 11 tháng 9 năm 2007 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2806/STP-VB, ngày 24 tháng 9 năm 2007,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước; Chỉ thị số 29/2002/CT-UB, ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường quản lý nhà nước về đấu thầu và các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc và Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước thuộc thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng  
vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND,  
ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về việc quản lý thực hiện đối với các dự án đầu tư phát triển không nhằm mục đích kinh doanh (kể cả các dự án xây dựng nhà ở) sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố hoặc sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau nhưng trong đó vốn ngân sách nhà nước của thành phố có tỷ lệ lớn nhất và chiếm từ 30% tổng vốn đầu tư trở lên.

Ngân sách nhà nước của thành phố bao gồm từ các nguồn thu: thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Các dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhằm mục đích kinh doanh: thực hiện theo Luật Đầu tư; các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA: thực hiện theo quy định về quản lý dự án ODA. Các dự án, kế hoạch chi thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách chi sự nghiệp (trừ trường hợp chi cho đầu tư phát triển theo Thông tư số 27/2007/TT-BTC, ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

### **Điều 3. Chủ đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố**

Chủ đầu tư là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình.

Việc xác định chủ đầu tư, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, Thông tư số 02/2007/TT-BXD, ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và theo các Luật, Nghị định có liên quan.

## **Chương II QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ**

### **Điều 4. Quản lý đầu tư theo quy hoạch**

1. Dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố phải phù hợp quy hoạch ngành đã được phê duyệt, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phải tuân thủ các quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với dự án nhóm A không có trong quy hoạch ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối xin ý kiến các Bộ - ngành Trung ương (trong thời hạn tối đa là 15 ngày) để Bộ quản lý ngành xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch; sau đó Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

3. Các dự án nhóm B, C thuộc khu vực chưa có quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ quy hoạch chung quận - huyện để có ý kiến về chức năng sử dụng đất, cung cấp các thông tin có liên quan đến địa điểm xây dựng, quy hoạch, kiến trúc và quy mô dân số của dự án (nếu là dự án phát triển nhà ở). Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân quận - huyện có văn bản hỏi ý kiến Sở Quy hoạch - Kiến trúc về quy hoạch, kiến trúc hoặc Sở quản lý ngành về quy hoạch phát triển ngành (đối với các dự án có liên quan đến quy hoạch ngành).

Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm cung cấp các thông tin nêu trên trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc; trong trường hợp cần phải hỏi ý kiến của các Sở thì thời gian có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của chủ đầu tư.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở quản lý ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc và thỏa thuận về mặt quy hoạch ngành trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

4. Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, nhưng không làm thay đổi chức năng, không mở rộng diện tích xây dựng, không tăng chiều cao, không vi phạm lộ giới, không thuộc diện phải di dời do gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với quy hoạch thì không phải thực hiện việc thỏa thuận về quy hoạch, kiến trúc, nhưng phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân quận - huyện về sự phù hợp về công năng sử dụng công trình so với chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (hoặc quy hoạch chung quận - huyện) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và các dự án mà Ủy ban nhân dân quận - huyện đã thông qua trước khi chủ đầu tư trình các sở - ngành thẩm định dự án.

### **Điều 5. Kế hoạch đầu tư**

1. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các sở - ngành, quận - huyện và các chủ đầu tư vào cuối tháng 10 hàng năm; thống nhất với Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố vào thời điểm giữa tháng 11 về kế hoạch đầu tư xây dựng và danh mục các dự án sẽ tổ chức thực hiện trong năm sau (kể cả danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư) để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Đối với các dự án cấp bách cần bổ sung vào danh mục dự án để tổ chức thực hiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định trong kỳ họp giữa năm.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ theo khả năng cân đối vốn và tiến độ thực hiện của từng dự án; được điều chỉnh, bổ sung hàng quý thông qua công tác giám định đầu tư.

3. Điều kiện ghi kế hoạch đầu tư:

a) Các dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải phù hợp với quy hoạch được duyệt hoặc được người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư bằng văn bản.

Nội dung đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm: tên dự án, tên chủ đầu tư, địa điểm thực hiện dự án, sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu và quy mô đầu tư, khái toán tổng mức đầu tư (trong đó có ước chi phí bồi thường, giải tỏa và tái định cư), các nguồn vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án, ước chi phí lập dự án và thời gian triển khai dự án.

b) Các dự án được ghi kế hoạch vốn để thực hiện dự án phải có quyết định đầu tư trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch và phải có đủ thiết kế, dự toán, tổng dự toán được phê duyệt theo quy định. Các dự án có quyết định đầu tư sau ngày 31 tháng 10 của năm trước phải được Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện (đối với các dự án sử dụng vốn phân cấp) xem xét, quyết định việc ghi kế hoạch vốn để thực hiện dự án đối với từng trường hợp cụ thể.

Các dự án đã có quyết định đầu tư nhưng chưa có thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt thì chỉ được ghi kế hoạch vốn để làm công tác chuẩn bị thực hiện dự án.

c) Những dự án nhóm A, B nếu chưa có thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt, nhưng trong quyết định đầu tư đã quy định mức vốn của từng hạng mục và đã có thiết kế, dự toán của hạng mục thi công trong năm được phê duyệt thì được ghi kế hoạch thực hiện hạng mục đó.

Đối với các dự án nhóm A, B có nhiều dự án thành phần (tiểu dự án) mà mỗi dự án thành phần có thể vận hành độc lập đã được xác định mức vốn đầu tư của dự án thành phần đó trong quyết định đầu tư thì từng dự án thành phần này được thực hiện đầu tư như một dự án độc lập.

4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về số vốn đề xuất giao kế hoạch và những trì trệ hoặc thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chỉ tiêu được giao của ngành, địa phương mình phụ trách.

### **Chương III**

## **LẬP DỰ ÁN, THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ; THẨM ĐỊNH DỰ ÁN; LẬP VÀ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, DỰ TOÁN, TỔNG DỰ TOÁN; GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

### **Điều 6. Lập dự án đầu tư**

1. Căn cứ vào quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí lập dự án (bao gồm chi phí khảo sát, đo

vẽ hiện trạng, lập thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công, lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình và một số chi phí cần thiết khác).

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập dự án đầu tư hoặc lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư theo quy định tại Điều 5, Điều 53 và Điều 54 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ; Điều 41 của Luật Xây dựng; Mục 1 Chương II của Luật Đấu thầu.

Thời gian lập dự án được tính từ khi có quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư đến khi chủ đầu tư trình duyệt dự án. Thời gian để lập dự án nhóm C không quá 06 (sáu) tháng, nhóm B không quá 10 (mười) tháng. Trong trường hợp đấu thầu để lựa chọn tư vấn lập dự án hoặc phải tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình, thời gian lập dự án được kéo dài thêm nhưng không quá 03 (ba) tháng.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, chất lượng và thời gian lập dự án theo quy định nêu trên. Trường hợp thuê tư vấn lập dự án, chủ đầu tư phải có trách nhiệm quy định rõ trong hợp đồng ký kết với đơn vị tư vấn về nội dung, chất lượng và thời gian lập dự án. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ sai phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chủ đầu tư phải có trách nhiệm quy định trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn. Trường hợp đơn vị tư vấn lập dự án vi phạm về nội dung, chất lượng và thời gian lập dự án thì sẽ bị áp dụng các biện pháp chế tài theo các điều khoản đã quy định trong hợp đồng và theo quy định của Nghị định số 126/2004/NĐ-CP, ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà và Nghị định số 53/2007/NĐ-CP, ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Trường hợp dự án bị đình chỉ thực hiện do lỗi của đơn vị tư vấn thì ngoài việc thực hiện các biện pháp chế tài nêu trên, chủ đầu tư còn có trách nhiệm thu hồi toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư đã được tạm ứng cho đơn vị tư vấn để hoàn trả lại cho ngân sách. Không được sử dụng tiền ngân sách cấp hoặc tiền có nguồn gốc ngân sách để hoàn trả.

3. Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí nghiên cứu lập dự án, quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án (nếu có), hợp đồng kinh tế (nếu có), Kho bạc Nhà nước thành phố tạm ứng và thanh toán vốn chuẩn bị đầu tư cho chủ đầu tư theo quy định.

### **Điều 7. Thẩm định thiết kế cơ sở**

1. Các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Quy định này.

Giao Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn chi tiết về nội dung thẩm định thiết kế cơ sở theo hướng cải cách hành chính.

2. Đối với công trình theo quy định phải thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, khi thẩm định thiết kế cơ sở, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định về phương án phòng cháy, chữa cháy. Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy để thống nhất các nội dung cần thẩm định về phương án phòng cháy, chữa cháy khi thẩm định thiết kế cơ sở.

3. Đối với những nơi chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các sở - ngành có liên quan về việc đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật (nếu cần). Các sở - ngành liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu và hồ sơ đính kèm của cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

4. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm kết luận thiết kế cơ sở có đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để xem xét phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng công trình. Trường hợp không đủ điều kiện xem xét phê duyệt thiết kế cơ sở hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (chỉ một lần) tất cả các nội dung yêu cầu chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để đảm bảo thiết kế cơ sở đủ điều kiện xem xét phê duyệt, trong thời gian tối đa không quá 5 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, không quá 8 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm A, B, kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở trong thời gian không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc.

Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở đến cơ quan thẩm định dự án, đồng thời gửi cho Sở Xây dựng một bản.

5. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở phải đảm bảo đúng quy định (không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

6. Đối với các công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình,

chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình để trình người quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

7. Trường hợp chất lượng hồ sơ được đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở không cao, phải điều chỉnh nhiều hơn 2 (hai) lần nhưng vẫn không đạt yêu cầu, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở được quyền ra văn bản không thẩm định nhưng vẫn thu lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư về hướng xử lý đối với các trường hợp này.

8. Nghiêm cấm các cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở áp đặt thêm các thủ tục hành chính ngoài quy định.

### **Điều 8. Về công tác thẩm định dự án**

#### 1. Tổ chức thẩm định dự án:

a) Các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đối với các dự án được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, cơ quan thẩm định dự án sẽ có văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn nhưng vẫn đảm bảo đúng thời gian quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư, hồ sơ trình thẩm định dự án bao gồm dự án và thiết kế cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện để phê duyệt. Đối với các dự án đã ủy quyền cho Giám đốc các Sở hoặc phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, hồ sơ trình thẩm định dự án có thể được trình cùng lúc với hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở.

c) Đối với các công trình chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, các tổ chức, cá nhân được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và quyết định đầu tư theo lĩnh vực đã được phân công. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình xây dựng bao gồm sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu xây dựng công trình; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; cấp công trình; nguồn kinh phí xây dựng công trình; thời hạn xây dựng; hiệu quả công trình; phòng chống cháy, nổ; bản vẽ thiết kế thi



công và dự toán công trình. Chủ đầu tư không phải lập và phê duyệt dự toán, tổng dự toán sau khi có quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với các dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị mà không có xây lắp: Sở Tài chính (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố và các sở - ngành quyết định đầu tư), Phòng Tài chính - Kế hoạch của các quận - huyện (đối với các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư) làm đầu mối thẩm định về giá máy móc, thiết bị trước khi chủ đầu tư trình thẩm định dự án. Thời gian để Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch của các quận - huyện thẩm định về giá máy móc, thiết bị tối đa không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Căn cứ dự án đầu tư được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán.

Đối với các trường hợp mua sắm máy móc, trang thiết bị không có xây lắp và được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép không phải lập dự án (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự toán, trình Sở Tài chính phê duyệt.

đ) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố đã được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép tách phần giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện trước: Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án (phương án) giải phóng mặt bằng.

e) Khi thẩm định dự án, nếu tổng mức đầu tư thực tế vượt hơn so với tổng vốn đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư, nhưng giá trị xây lắp và thiết bị vượt không quá 15% so với dự kiến ban đầu, không làm thay đổi tính chất nhóm của dự án và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu đầu tư của dự án thì cơ quan thẩm định được tiếp nhận hồ sơ để thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định dự án và trình duyệt theo quy định. Trường hợp giá trị xây lắp và thiết bị vượt quá 15% so với dự kiến ban đầu, cơ quan thẩm định dự án phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xin lại chủ trương đầu tư.

g) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai danh mục những dự án phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đối với các dự án không thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động

môi trường, chủ đầu tư phải thực hiện đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trước khi trình duyệt dự án.

## 2. Thời gian thẩm định dự án và quyết định đầu tư:

a) Thời gian thẩm định dự án nhóm A không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc, dự án nhóm B không quá 10 (mười) ngày làm việc; thời gian quyết định đầu tư dự án nhóm A không quá 10 (mười) ngày làm việc, dự án nhóm B không quá 05 (năm) ngày làm việc; thời gian thẩm định và quyết định đầu tư dự án nhóm C không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện để xem xét thẩm định dự án hoặc cần phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dự án, cơ quan thẩm định dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (chỉ một lần) tất cả các nội dung yêu cầu chủ đầu tư sửa đổi bổ sung, trong thời gian tối đa không quá 5 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ dự án.

c) Trường hợp dự án đã chỉnh sửa nhiều hơn 2 (hai) lần nhưng vẫn không đạt yêu cầu, cơ quan thẩm định dự án ra văn bản không thẩm định nhưng vẫn thu lệ phí thẩm định. Cơ quan thẩm định dự án có trách nhiệm báo cáo người có thẩm quyền quyết định đầu tư về hướng xử lý đối với các trường hợp này.

## **Điều 9. Về lập và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán**

1. Thời gian để lựa chọn tư vấn lập thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán.

Đối với trường hợp chỉ định thầu, tối đa không quá 01 (một) tháng; đối với trường hợp đấu thầu, tối đa không quá 03 (ba) tháng, kể từ khi có quyết định đầu tư.

2. Thời gian thực hiện hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán không quá 12 (mười hai) tháng đối với dự án nhóm A, không quá 08 (tám) tháng đối với dự án nhóm B, không quá 06 (sáu) tháng đối với dự án nhóm C kể từ ngày ký hợp đồng tư vấn. Riêng đối với trường hợp phải thiết kế ba bước, thời gian thực hiện hoàn thành các nội dung nêu trên được kéo dài thêm 03 (ba) tháng.

3. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và gửi các quyết định phê duyệt đến

cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở và Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt.

### **Điều 10. Về Giấy phép xây dựng (cấp mới, điều chỉnh, gia hạn)**

Các nội dung về Giấy phép xây dựng thực hiện đúng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và theo Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng.

## **Chương IV VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN**

### **Điều 11. Về thẩm định thiết kế cơ sở**

1. Sở Giao thông - Công chính chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành giao thông công chính; Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C thuộc phạm vi quản lý của ngành công nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; Sở Bưu chính, Viễn thông tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành tài nguyên, môi trường; Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khác (trừ các công trình công nghiệp do Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định) và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu.

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là một trong các Sở nêu trên có chức năng quản lý công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở. Thủ trưởng các sở chuyên ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án nhóm C đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện quyết định đầu tư (trừ chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông).

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hàng năm việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong công tác thẩm định thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công) của các đơn vị có liên quan nêu trên.

### **Điều 12. Về quyết định đầu tư**

1. Ngoài thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách quận - huyện, phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố phân cấp cho quận - huyện quản lý, các dự án sử dụng các nguồn thu được thành phố để lại cho quận - huyện chi đầu tư phát triển và nguồn vốn huy động của các thành phần kinh tế để chi cho đầu tư, sau khi danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân quận - huyện thông qua. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình đầu tư và xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khối lượng làm tổng mức vốn đầu tư của dự án vượt hơn nhóm C, Ủy ban nhân dân quận - huyện phải báo cáo và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận bằng văn bản mới được quyết định điều chỉnh dự án đầu tư.

Đối với các dự án có liên quan hoặc gắn kết với các công trình hạ tầng kỹ thuật do các sở - ngành thành phố quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phải lấy ý kiến của các sở - ngành trước khi quyết định đầu tư. Thủ trưởng các sở - ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

2. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện đối với các dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc các quận - huyện làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố, sau khi các dự án này đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chủ trương đầu tư và được Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở, quyết định đầu tư, thẩm định và phê duyệt các nội dung liên quan đến công tác đấu thầu, tổ chức triển khai thực hiện dự án cho đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao và quyết toán công trình (trừ các dự án thuộc chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông). Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ vốn cho dự án theo tiến độ thực hiện.

3. Phân cấp cho Giám đốc các Sở: Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Bưu chính, Viễn thông, Sở Tài

nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở; phân cấp cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố không thuộc đối tượng phải lập thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công và các dự án đầu tư trên địa bàn các tỉnh; trừ các dự án nhóm C đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

Giám đốc các Sở nêu trên phải tổ chức thực hiện công tác thẩm định thiết kế cơ sở và thẩm định, quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C theo hướng cải cách hành chính (một cửa).

4. Các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp quyết định đầu tư nêu trên có trách nhiệm gửi một bản quyết định đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp báo cáo, trong thời gian tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

### **Điều 13. Về công tác đấu thầu**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt:

a) Kế hoạch đấu thầu của các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư.

b) Hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên, thuộc các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố.

2. Phân cấp cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá trị dưới 5 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá trị dưới 50 tỷ đồng, thuộc các dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố, trừ các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư.

3. Phân cấp cho Giám đốc các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài

nguyên và Môi trường, Sở Buru chính, Viễn thông, Sở Xây dựng thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các Sở quyết định đầu tư; trừ các gói thầu thuộc các dự án đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của chủ đầu tư.

Giám đốc các Sở nêu trên chịu trách nhiệm quy định đơn vị thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) và kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu do mình phê duyệt; xử lý các tình huống và giải quyết các kiến nghị trong đấu thầu; xem xét, quyết định việc điều chỉnh hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu.

#### 4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu.

6. Quy định về thời gian trong đấu thầu thực hiện theo Điều 31 của Luật Đấu thầu.

### **Điều 14. Giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giám sát đánh giá đầu tư đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quyết định đầu tư; hướng dẫn các Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư thực hiện giám sát đánh giá đầu tư; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ việc thực hiện công tác giám sát đánh giá tổng thể đầu tư của thành phố.

2. Các Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư hoặc được giao làm chủ đầu tư; định kỳ hàng quý báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Về công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: thực hiện theo các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KHĐT-UBTUMTTQVN-TC, ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Chỉ thị số 34/2006/CT-UBND, ngày 27

tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 15. Điều chỉnh, ngừng, đình chỉ dự án đầu tư**

#### 1. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật):

Khi điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) không làm thay đổi quy mô (công suất, diện tích xây dựng, các hạng mục công trình chính, công trình phụ và các công trình khác), không làm thay đổi mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự quyết định điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật). Trường hợp điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) làm thay đổi thiết kế cơ sở (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) về kiến trúc, quy hoạch, quy mô, mục tiêu đầu tư ban đầu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định lại. Người quyết định điều chỉnh dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

2. Trong quá trình thiết kế (đối với công trình phải lập dự án đầu tư), nếu tổng dự toán sau khi thẩm định vượt tổng mức đầu tư được duyệt thì chủ đầu tư phải xem xét điều chỉnh lại thiết kế, tổng dự toán và báo cáo lại người quyết định đầu tư; nếu điều chỉnh lại thiết kế mà tổng dự toán vẫn vượt tổng mức đầu tư thì phải trình phê duyệt lại dự án. Trường hợp tổng dự toán không vượt tổng mức đầu tư nhưng có sự thay đổi về cơ cấu vốn so với tổng mức đầu tư được duyệt, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi phê duyệt tổng dự toán và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

#### 3. Dự án đầu tư được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần; dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án.

#### 4. Dự án bị xử lý hủy bỏ hoặc ngừng trong các trường hợp sau:

a) Dự án sẽ bị hủy bỏ (hoặc giao cho chủ đầu tư khác thực hiện) nếu sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày quyết định đầu tư, chủ đầu tư không thực hiện triển khai các bước tiếp theo mà không có ý kiến chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư.

b) Dự án bị ngừng nếu chủ đầu tư tự thay đổi mục tiêu của dự án mà không được người có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện sau khi làm rõ nguyên nhân, đánh giá lại hiệu quả đầu tư trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét và cho phép thực hiện.

c) Mọi thiệt hại do dự án thực hiện triển khai chậm hoặc bị hủy bỏ hoặc thực hiện sai so với quyết định đầu tư, chủ đầu tư phải làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể có liên quan và báo cáo người có thẩm quyền để xử lý bồi thường theo pháp luật.

### **Điều 16. Quyết toán vốn đầu tư**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư; thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các Sở quyết định đầu tư. Ủy ban nhân dân quận - huyện thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm C do mình quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các dự án từ nhóm B trở lên, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư trước khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

3. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện theo Thông tư số 27/2007/TT-BTC, ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 33/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 98/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC, ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

### **Điều 17. Quản lý chất lượng công trình xây dựng**

1. Nội dung quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện đúng theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành.



2. Phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

a) Sở Giao thông - Công chính, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Bru chính, Viễn thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình do mình tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở hoặc cấp phép xây dựng.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư hoặc cấp giấy phép xây dựng. Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm theo dõi việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình đối với công trình thuộc dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn quyết định đầu tư và cấp phép xây dựng. Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm theo dõi, đề xuất để phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan đơn vị quản lý nhà, chủ sở hữu, chủ quản lý sử dụng nhà để tiến hành kiểm tra, thống kê tình trạng nhà công sở, nhà ở, các khu nhà tập thể cũ, chung cư xuống cấp không đảm bảo an toàn để có giải pháp khắc phục; hướng dẫn giải quyết những hư hỏng công trình lân cận do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra và báo cáo kết quả về Sở Xây dựng.

3. Chế độ báo cáo công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

Hàng năm, các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nêu trên phải lập kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình và tổ chức thực hiện. Kết quả kiểm tra chất lượng công trình của các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện phải báo cáo hàng quý và báo cáo tổng hợp 6 tháng, cả năm gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; thời gian gửi báo cáo cho Sở Xây dựng, đối với báo cáo quý không quá ngày 25 tháng thứ 3 của quý, không quá ngày 25 tháng 6 và ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo tổng hợp 6 tháng, cả năm.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi có phản ánh bằng văn bản của cá nhân, tổ chức hoặc phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng về chất lượng xây dựng của công trình cụ thể, các Sở và quận - huyện nêu tại khoản 2 của Điều này phải thực hiện việc kiểm tra hiện trường; sau khi kiểm tra có các biện pháp xử lý (nếu có vi phạm). Kết quả kiểm tra và xử lý phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan chức năng theo quy định và trả lời cho cá nhân, tổ chức phản ánh.

5. Việc quản lý về tiến độ, khối lượng thi công, an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo các Điều 31, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và theo các quy định của các ngành có liên quan.

6. Các Sở nêu tại khoản 2 Điều này phải tổ chức bộ phận chuyên trách để giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng.

7. Việc cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo Thông tư số 11/2005/TT-BXD, ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

## **Chương V**

### **VỀ XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP**

#### **Điều 18. Về quản lý dự án**

Các Ban Quản lý Dự án chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các Ban Quản lý Dự án trực thuộc các sở - ban - ngành và các Ban Quản lý Dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện tiếp tục làm chủ đầu tư các dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn để thực hiện dự án đầu tư trong năm 2007, cho đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, nghiệm thu, thanh quyết toán.

#### **Điều 19. Về xử lý chuyển tiếp việc điều chỉnh dự án theo Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ**

1. Đối với các dự án đã được quyết định đầu tư trước ngày Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, cho phép áp dụng Điều 13 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ để điều chỉnh dự án.

2. Khi điều chỉnh dự án, thẩm quyền thẩm định và quyết định điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư: các Sở chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh dự án.

b) Đối với các dự án nhóm C do các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố: các sở - ban - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc thẩm định và quyết định điều chỉnh dự án. Trường hợp khi điều chỉnh dự án đã làm thay đổi nhóm dự án từ nhóm C lên nhóm B (căn cứ theo quy định về phân loại nhóm dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành kèm theo Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ), các Sở chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh dự án.

**Điều 20. Về phê duyệt và điều chỉnh thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công), dự toán, tổng dự toán đối với các dự án đã được quyết định đầu tư theo quy định của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP**

Các chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (kể cả khối lượng phát sinh) của các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư hoặc duyệt điều chỉnh trước ngày Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Giao Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn chủ đầu tư về việc thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán đối với các trường hợp nêu trên.

**Điều 21. Về xử lý chuyển tiếp đối với Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước**

1. Đối với các dự án nhóm B đã được các Sở chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở nhưng chưa được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hoặc đang trong quá trình thẩm định (chưa trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư), chủ đầu tư nhận lại hồ sơ dự án để trình các Sở chuyên ngành thẩm định và quyết định đầu tư theo Quy định này.

2. Đối với các dự án nhóm B, C thuộc chuyên ngành tài nguyên, môi trường đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế cơ sở, đang trong quá trình trình thẩm định dự án, chủ đầu tư nhận lại hồ sơ dự án để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và quyết định đầu tư theo Quy định này.

3. Đối với các dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố do các đơn vị trực thuộc các quận - huyện làm chủ đầu tư, thực hiện chuyển tiếp như sau:

- Các dự án đã được các Sở chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở nhưng chưa có quyết định đầu tư: phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện cho đến khi nghiệm thu, bàn giao và quyết toán công trình theo Quy định này.

- Các dự án đã được các Sở chuyên ngành quyết định đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành: các Sở đã quyết định đầu tư dự án tiếp tục phê duyệt các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh dự án, đấu thầu; Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt quyết toán.

4. Đối với các gói thầu của các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ mời thầu, đang trong quá

trình tổ chức đấu thầu: phân cấp cho Giám đốc các Sở chuyên ngành thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo Quy định này.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 22.** Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định của Quy định này và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng thụ lý hồ sơ vượt quá thời gian quy định.

Khi hỏi ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan hỏi ý kiến phải nêu rõ chính kiến của cơ quan mình. Nếu quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời, thì xem như chấp thuận về vấn đề được hỏi ý kiến và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung được hỏi ý kiến; cơ quan hỏi ý kiến thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản của cơ quan được hỏi ý kiến.

**Điều 23.** Chủ đầu tư có trách nhiệm phải quy định rõ trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp chế tài đối với đơn vị tư vấn đầu tư, đơn vị thi công công trình đúng theo Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ và những văn bản có liên quan quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà ở.

**Điều 24.** Giao cho Sở Nội vụ phối hợp với các sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện nghiên cứu để chuyển đổi bộ máy, tổ chức của các Ban Quản lý Dự án chuyên ngành, Ban Quản lý Dự án khu vực theo quy định hiện hành.

Giao Giám đốc Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố về chế độ khen thưởng và xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy định này.

**Điều 25.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối để tập hợp các báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4809/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng  
các cụm công nghiệp địa phương thành phố Hồ Chí Minh  
đến năm 2020, có tính đến năm 2025**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010, có tính đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Xét nội dung hồ sơ đề án điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp địa phương thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 do Viện Quy hoạch Xây dựng lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3592/TTr- SQHKT ngày 10 tháng 9 năm 2007 về đề nghị phê duyệt “điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp địa phương thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025”,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 với các nội dung chính như sau (đính kèm hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp địa phương):

1. Nội dung điều chỉnh:

1.1. Các cụm công nghiệp đã hình thành: Căn cứ vào thực trạng các Cụm công nghiệp với những ngành nghề khác nhau đã hình thành từ nhiều năm trước đang hoạt động (10 cụm xếp theo địa bàn quận - huyện) được củng cố, điều chỉnh với quy mô 478,0ha, cụ thể như sau:

1- Cụm công nghiệp Phú Mỹ quận 7:

- Vị trí: Phường Phú Thuận, quận 7.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp thông thường, gắn sửa chữa tàu với kho - cảng và dịch vụ cảng.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Chuyển từ Khu Công nghiệp Phú Mỹ với quy mô giảm xuống khoảng 80,0ha. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý.

2- Cụm công nghiệp Bình Đăng, quận 8:

- Vị trí: Phường 6, quận 8.

- Tính chất: Công nghiệp sạch không gây ô nhiễm, chủ yếu là tiểu - thủ công nghiệp và kho.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: trước đây được quy hoạch là 33ha, đã thực hiện điều chỉnh xuống quy mô 28ha và được phê duyệt tại Quyết định số 7545/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3- Cụm công nghiệp Hiệp Thành, quận 12:

- Vị trí: Phường Hiệp Thành và Tân Thới Hiệp, quận 12.

- Tính chất: Phục vụ di dời các doanh nghiệp từ Công viên Phần mềm Quang Trung (Chế biến thực phẩm, may, cao su).

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Quy mô cụm công nghiệp hiện hữu này sẽ phát triển đến 50,0ha. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý. (Hiện trạng đã thực hiện 36,8ha trong đó có 22ha phục vụ các doanh nghiệp từ Công viên Phần mềm Quang Trung).

4- Cụm công nghiệp Tân Thới Nhất, quận 12:

- Vị trí: Phường Tân Thới Nhất, quận 12.

- Tính chất: Dệt may, gia công cơ khí.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Đã thực hiện 69,50ha nhưng chỉ có 50,0ha tương đối tập trung được quy hoạch giữ lại. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý.

5- Cụm công nghiệp Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức:

- Vị trí: Phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức.

- Tính chất: Thực phẩm bánh kẹo, cơ khí, dệt may.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Đã thực hiện 31,31ha nhưng chỉ có 20,0ha tương đối tập trung được quy hoạch giữ lại. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý.

6- Cụm công nghiệp Xuân Thới Sơn (A), huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp thông thường, sạch.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Giữ nguyên quy mô đã triển khai thực hiện 38,0ha theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

7- Cụm công nghiệp Đông Quốc lộ 1A, quận Bình Tân:

- Vị trí: Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân.

- Tính chất: May, dệt, da giày, giấy, cao su, hóa chất, cơ khí sản xuất que hàn, vật liệu xây dựng.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Giữ nguyên quy mô khoảng 33ha gồm khu vực Công ty Hai Thành và một số nhà máy hiện hữu khác. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý.

8- Cụm tiểu - thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Phục vụ di dời công nghiệp quận - huyện: Nấu kim loại màu, cán kéo kim loại, sản xuất hương liệu, form giày, gia công cơ khí, bao bì.

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: Đã thực hiện giai đoạn 1: 2,0ha và được Ủy ban nhân dân thành phố thuận nguyên tắc cho mở rộng thêm 15ha nhằm giải quyết di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường. Cần sớm hoàn tất hồ sơ lập quy hoạch chi tiết với quy mô 17ha.

9- Cụm công nghiệp Tân Quy (A), huyện Củ Chi:

- Vị trí: Xã Trung An, huyện Củ Chi.

- Tính chất: Giày da, điện tử, chế biến thực phẩm, cơ khí...

- Dự kiến điều chỉnh quy hoạch: được dự kiến điều chỉnh chuyển từ Khu công nghiệp thành Cụm công nghiệp địa phương với 3 Cụm công nghiệp đã hình thành tự phát có diện tích khoảng 65ha. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết toàn cụm, cần lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang để thuận lợi cho quản lý.

10- Cụm công nghiệp Tân Quy (B), huyện Củ Chi:

- Vị trí: Xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi.

- Tính chất: Giày da, điện tử, chế biến thực phẩm, cơ khí...

- Dự kiến quy hoạch: Đang thực hiện lập và trình duyệt quy hoạch chi tiết với quy mô dự kiến khoảng 97,0ha.

1.2. Các cụm công nghiệp quy hoạch xây dựng mới (20 cụm xếp theo địa bàn quận - huyện): được quy hoạch xây dựng mới với quy mô 1.422,0ha, cụ thể như sau:

1- Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp quận 2:

- Vị trí: Phường Cát Lái, quận 2.

- Tính chất: Phục vụ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quận 2.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới sát ranh giới Khu Công nghiệp Cát Lái - Cụm 2 với quy mô 18,0ha. Hiện chưa có quy hoạch chi tiết.

2- Cụm công nghiệp Long Sơn, quận 9:

- Vị trí: Phường Long Bình, quận 9.



- Tính chất: Công nghiệp vật liệu xây dựng.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 25,37ha (theo quy hoạch chi tiết 1/500 đã được thỏa thuận tại văn bản số 1777/QHKT-ĐB2 ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

3- Cụm công nghiệp Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Tân Thới Nhì và Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch trong Khu đô thị mới An Phú Hưng với quy mô đất công nghiệp 87,0ha (Nhiệm vụ quy hoạch chung Khu đô thị mới An Phú Hưng đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2007 trong đó có 85 - 88ha đất công nghiệp).

4- Cụm công nghiệp Tân Hiệp (A), huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm.

- Dự kiến quy hoạch: Đã có chủ trương đầu tư 15ha cho ngành giết mổ gia súc. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đề xuất mở rộng quy mô lên 25,0ha.

5- Cụm công nghiệp Tân Hiệp (B), huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 20,0ha.

6- Cụm công nghiệp Xuân Thới Sơn (B), huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 40,0ha.

7- Cụm công nghiệp Nhị Xuân, huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: không gây ô nhiễm, bao gồm các ngành nghề sử dụng nhiều lao động và đặc trưng là đối tượng công nhân kết hợp giữa học viên và người sau cai, người tái hòa nhập cộng đồng và công nhân lành nghề của Lực lượng Thanh niên xung phong.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 230,0ha. Trong đó giai đoạn 1 quy mô 54ha đang được triển khai thực hiện, giai đoạn 2 đang lập quy hoạch chi tiết với quy mô khoảng 180ha.

8- Cụm công nghiệp Đông Thạnh, huyện Hóc Môn:

- Vị trí: Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp thông thường, sạch.

- Dự kiến quy hoạch: Được giữ nguyên quy mô 36,0ha (theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 5496/KTST-QH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của Kiến trúc sư trưởng thành phố).

9- Cụm công nghiệp Dương Công Khi, huyện Hóc Môn:

- Vị trí: xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 55,0ha.

10- Cụm công nghiệp Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi:

- Vị trí: Xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi.

- Tính chất: Chăn nuôi, chế biến thực phẩm, cơ khí nông nghiệp...

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 75,0ha.

11- Cụm công nghiệp Cơ khí ô tô Hòa Phú, huyện Củ Chi:

- Vị trí: Xã Hòa Phú và Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi.

- Tính chất: Cơ khí ô tô.

- Dự kiến quy hoạch: Được thực hiện với quy mô 99,0ha (theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố).

12- Cụm công nghiệp Bàu Trăn, huyện Củ Chi:

- Vị trí: Xã Nhơn Đức, huyện Củ Chi.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 95,0ha.

13- Cụm công nghiệp An Hạ, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Công nghiệp nhẹ, không gây ô nhiễm nguồn nước, chủ yếu tập trung các ngành theo từng khu vực như sản xuất giày da, đồ mỹ nghệ cao cấp, đồ chơi trẻ em, mây tre lá, may mặc, dụng cụ học sinh, ngành công nghiệp lắp ráp cơ khí và mộc gia dụng, nhựa gia dụng.

- Dự kiến quy hoạch: Được thực hiện với quy mô 123,5ha (theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 5221/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố).

14- Cụm công nghiệp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được thực hiện với quy mô 89ha (theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 19 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố).

15- Cụm công nghiệp Trần Đại Nghĩa, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 50,0ha.

16- Cụm công nghiệp Quy Đức, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Quy Đức, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 70,0ha.

17- Cụm công nghiệp Tân Túc, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 40,0ha.

18- Cụm công nghiệp Đa Phước, huyện Bình Chánh:

- Vị trí: Xã Đa Phước, huyện Bình Chánh.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004, có thể phục vụ di dời cho ngành sản xuất nước chấm với quy mô khoảng 30ha.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 90,0ha.

19- Cụm công nghiệp Long Thới, huyện Nhà Bè:

- Vị trí: Xã Long Thới, huyện Nhà Bè.

- Tính chất: Các ngành công nghiệp theo Quyết định số 188/2004/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2004.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 57,0ha.

20- Cụm công nghiệp Bình Khánh, huyện Cần Giờ:

- Vị trí: xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ.

- Tính chất: Thủy sản, cơ khí hàng hải và có thể phục vụ di dời cho ngành sản xuất nước chấm với quy mô khoảng 30ha.

- Dự kiến quy hoạch: Được quy hoạch mới với quy mô 97,0ha.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Cụm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 được duyệt:

- Giao Sở Công nghiệp phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các quận - huyện xác định các chủ đầu tư đủ năng lực để thực hiện đầu tư xây dựng các Cụm công nghiệp mới; đồng thời phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức lập, thẩm định và trình duyệt các đề án quy hoạch xây dựng chính trang các cụm công nghiệp hiện hữu và quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp mới theo quy định. Sở Công nghiệp là cơ quan quản lý đầu mối đối với các cụm công nghiệp, có trách nhiệm xác định ngành nghề cho các cụm công nghiệp mới hình thành trong quá trình lập quy hoạch chi tiết cho phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp

thành phố Hồ Chí Minh và các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trọng điểm của thành phố.

- Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện có cụm công nghiệp trên địa bàn phối hợp với Sở Công nghiệp và các chủ đầu tư cụm công nghiệp rà soát nhu cầu đất xây dựng nhà ở công nhân đối với các cụm công nghiệp hiện hữu để tiếp tục xây dựng bổ sung đủ nhu cầu; xác định quy mô, tính chất và tổ chức lập quy hoạch chi tiết cho các khu dân cư và dịch vụ phục vụ cụm công nghiệp đối với các cụm công nghiệp mới hình thành.

- Đối với các cụm công nghiệp hiện hữu trên địa bàn các quận nội thành và quận mới, trong quá trình thực hiện quản lý nếu không còn đảm bảo các tiêu chí là cụm công nghiệp theo Quyết định số 104/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì khuyến khích chuyển đổi sang chức năng khác của đô thị phù hợp với định hướng phát triển của thành phố. Giao Sở Công nghiệp phối hợp với Ủy ban nhân dân quận và Sở Quy hoạch - Kiến trúc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công nghiệp, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có Cụm công nghiệp trên địa bàn và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**DANH MỤC DỰ KIẾN**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP**  
**ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020**  
**CÓ TÍNH ĐẾN NĂM 2025**

*(Đính kèm Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2007  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

*(Đơn vị: ha)*

Số TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Dự kiến quy mô	Ghi chú
1	Cụm CN quận 2	Quận 2	18,00	Tổng diện tích: 18ha
2	Cụm Phú Mỹ	Quận 7	80,00	Tổng diện tích: 80ha
3	Cụm Bình Đăng	Quận 8	28,00	Tổng diện tích: 28ha
4	Cụm Long Sơn	Quận 9	25,50	Tổng diện tích: 25,5ha
5	Cụm Hiệp Thành	Quận 12	50,00	Tổng diện tích: 100ha
6	Cụm Tân Thới Nhất		50,00	
7	Cụm Hiệp Bình Phước	Quận Thủ Đức	20,00	Tổng diện tích: 20ha
8	Cụm Đông Quốc lộ 1A	Quận Bình Tân	33,00	Tổng diện tích: 33ha
9	Cụm Tân Thới Nhì	Huyện Hóc Môn	87,00	Tổng diện tích: 531ha
10	Cụm Tân Hiệp (A)		25,00	
11	Cụm Tân Hiệp (B)		20,00	
12	Cụm Xuân Thới Sơn (A)		38,00	
13	Cụm Xuân Thới Sơn (B)		40,00	
14	Cụm Nhì Xuân		230,00	
15	Cụm Đông Thạnh		36,00	
16	Cụm Dương Công Khi		55,00	
17	Cụm TTCN Lê M. Xuân	Huyện Bình Chánh	17,00	Tổng diện tích: 479,5ha
18	Cụm An Hạ		123,50	
19	Cụm Tổng Cty NN Sài Gòn		89,00	
20	Cụm Trần Đại Nghĩa		50,00	
21	Cụm Quy Đức		70,00	
22	Cụm Tân Túc		40,00	
23	Cụm Đa Phước		90,00	
24	Cụm Tân Quy (A)	Huyện Củ Chi	65,00	Tổng diện tích: 431ha
25	Cụm Tân Quy (B)		97,00	
26	Cụm Phạm Văn Cội		75,00	
27	Cụm cơ khí ô tô Hoà Phú		99,00	
28	Cụm Bàu Trăn		95,00	
29	Cụm Long Thới	Huyện Nhà Bè	57,00	Tổng diện tích: 57ha
30	Cụm Bình Khánh	Huyện Cần Giờ	97,00	Tổng diện tích: 97ha
	<b>Tổng cộng (30 cụm)</b>		<b>1.900,00</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4821/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh**  
**quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD, ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2004/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2004 và Nghị quyết số 07/2007/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ về việc thông qua Nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2007 về trình duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ và Công văn số 861/UBND ngày 09 tháng 8 năm 2007 về bổ sung Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung huyện Cần Giờ đến năm 2020 và Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3385/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 8 năm 2007 về trình duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung).

## **1. Vị trí giới hạn, phạm vi và lý do điều chỉnh:**

### **1.1. Vị trí giới hạn:**

Huyện Cần Giờ có vị trí về phía Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố 50km theo đường chim bay; là huyện ven biển duy nhất của thành phố Hồ Chí Minh có các mặt giáp giới, như sau:

- Phía Bắc: giáp huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Phía Nam: giáp biển Đông

- Phía Đông: giáp huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Phía Tây: giáp huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

### **1.2. Quy mô diện tích và dân số nghiên cứu:**

Quy mô diện tích khu đất quy hoạch điều chỉnh mới: 70.421ha, so với diện tích đất quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 6995/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố là 70.361ha chênh lệch 60ha.

Tổng diện tích tự nhiên huyện: 70.421ha.

+ Dân số hiện trạng năm 2006: 73.206 người

+ Dân số dự kiến năm 2010: 100.000 người

2015: 200.000 người

2025: 300.000 người.

## **2. Tính chất chức năng quy hoạch:**

- Cơ cấu kinh tế của huyện Cần Giờ được xác định là: Bảo vệ khu dự trữ sinh quyển thế giới kết hợp khai thác du lịch, đầu mối giao thông, hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam thành phố, thương mại dịch vụ, nông lâm ngư nghiệp và công nghiệp - xây dựng.

- Khu dân cư: Khu dân cư nông thôn, khu dân cư hiện hữu và khu đô thị mới phát triển với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Trung tâm công trình công cộng về y tế, văn hóa, du lịch, nghỉ ngơi, giải trí với cảnh quan thiên nhiên và nông nghiệp sinh thái kết hợp khai thác du lịch.

## **3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:**

### **3.1. Các khu ở:**



+ Khu dân cư đô thị: tổng số 230.000 người với tổng diện tích 2.300ha, chia thành 3 cụm tập trung.

Cụm I: Khu vực phía Bắc huyện Cần Giờ, xã Bình Khánh với quy mô dân số: 70.000 người.

Cụm II: Khu vực ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông với quy mô dân số dự kiến 20.000 dân.

Cụm III: Khu vực phía Nam huyện Cần Giờ, gồm xã Long Hòa và xã Cần Thạnh với quy mô dân số khoảng 140.000 người.

Ngoài dân cư hiện hữu chính trang dọc theo một số đường của huyện, các khu vực còn lại tổ chức mô hình hiện đại với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hình thành khu đô thị du lịch lấn biển Long Hòa với chức năng dịch vụ du lịch và khu ở đầy đủ tiện nghi.

+ Khu dân cư nông thôn: có tổng số 70.000 dân, diện tích 840ha được bố trí ở các xã Lý Nhơn, An Thới Đông, Thạnh An và Tam Thôn Hiệp.

### 3.2. Các khu trung tâm công trình công cộng:

Đảm bảo đủ các loại hình phục vụ thiết yếu, cấp phục vụ, quy mô phục vụ và bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ và vị trí phù hợp với chức năng; đồng thời kết hợp với các mảng hoa viên sân chơi thể dục thể thao tạo nên những khoảng không gian mở cho từng khu vực.

- Trung tâm huyện lỵ (thuộc thị trấn Cần Thạnh) và trung tâm các xã, thị trấn vẫn giữ ở vị trí hiện tại (không đổi so với quy hoạch chung được duyệt năm 1998).

- Công trình công cộng trong các đơn vị ở, thị trấn và xã gồm các công trình công cộng mang tính thường xuyên như công trình hành chính cấp xã, thương mại dịch vụ, chợ, trạm y tế, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở; công trình công cộng khu vực (liên xã) và huyện.

### 3.3. Công viên cây xanh - thể dục thể thao:

- Khu cây xanh - thể dục thể thao có tổng diện tích là 800ha (không đổi so với quy hoạch chung năm 1998) được bố trí tập trung thành từng cụm như sau:

+ Khu cây xanh kết hợp vui chơi giải trí dọc bờ biển từ Long Hòa - Cần Thạnh quy mô 400ha;

+ Khu liên hợp cây xanh, sân golf, resort, nghỉ dưỡng tại xã Bình Khánh quy mô khoảng 400ha.

- Giữa các nhóm nhà ở bố trí các khu cây xanh hoa viên - thể dục thể thao; kết hợp chặt chẽ đất cây xanh công viên với các sân tập thể thao. Ngoài ra, tổ chức hệ thống cây xanh cách ly giữa khu dân cư với khu công nghiệp, khu nghĩa trang, hành lang hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cây xanh cảnh quan dọc sông rạch; xen cài trong các khu phát triển du lịch, thương mại...

- Khu bảo tồn dự trữ sinh quyển thế giới được giữ nguyên với diện tích 33.008,95ha, đất sản xuất muối gắn với luân canh thủy sản: 700ha; đất nông nghiệp - thủy sản: 2.000ha; đất bảo tồn rừng lịch sử, dọc theo sông Đồng Tranh: 1.800ha.

### 3.4. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - kho tàng, bến bãi:

+ Khu công nghiệp đóng sửa chữa tàu, chế biến thủy sản Bình Khánh, dọc sông Soài Rạp, quy mô 250ha;

+ Các nhà máy, xí nghiệp không gây ô nhiễm hiện hữu bố trí xen cài trong các khu dân cư trên địa bàn huyện được duy trì và hạn chế phát triển mở rộng.

### 3.5. Nông lâm nghiệp kết hợp phát triển du lịch:

Tổ chức sản xuất nông nghiệp sạch kết hợp kinh tế vườn, khu du lịch sinh thái: Khu du lịch sinh thái dọc sông Lòng Tàu thuộc xã Tam Thôn Hiệp, khu du lịch sinh thái dọc sông Soài Rạp thuộc các xã Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn. Khu du lịch sinh thái tại Nông trường Cholimex, xã An Thới Đông; khu du lịch sinh thái An Bình, xã An Thới Đông; khu vực sinh thái Nông trường Duyên Hải - Gò Vấp, xã An Thới Đông; khu vực sinh thái phía Đông Bắc cầu Dàn Xây; khu du lịch sinh thái Vàm Sát, xã Lý Nhơn; khu du lịch sinh thái lâm viên Cần Giờ, khu vực đảo Khỉ; điểm dã ngoại thanh thiếu niên thành phố; khu du lịch sinh thái núi Giòng Chùa, xã Thạnh An; khu du lịch sinh thái đảo Thạnh An. Các khu khác theo quy hoạch 1998.

### 3.6. Công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật:

Bãi rác, nghĩa trang tại xã Lý Nhơn 100ha.

## 4. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật:

### 4.1. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

a) Khu dân cư đô thị: bình quân 100 - 110m<sup>2</sup>/người, bao gồm:

+ Đất khu ở : 60 - 64m<sup>2</sup>/người

+ Đất công trình công cộng : 6 - 7m<sup>2</sup>/người

+ Đất cây xanh : 14 - 16m<sup>2</sup>/người

- + Đất giao thông : 20 - 22m<sup>2</sup>/người
- b) Khu dân cư nông thôn : bình quân 120 - 130m<sup>2</sup>/người
- + Đất ở : 82 - 86m<sup>2</sup>/người
- + Đất công trình công cộng : 4 - 6m<sup>2</sup>/người
- + Đất cây xanh : 12 - 14m<sup>2</sup>/người
- + Đất giao thông : 22 - 24m<sup>2</sup>/người.

c) Chỉ tiêu xây dựng đối với khu nhà ở:

- + Khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang : mật độ xây dựng : 40 - 50%
- + Khu nhà ở mới : mật độ xây dựng : 30 - 35%.

Về tầng cao xây dựng: căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội, chức năng của các khu quy hoạch, không gian kiến trúc đô thị của khu vực đô thị hóa và khu dân cư nông thôn để có nghiên cứu xác định về chiều cao xây dựng công trình hợp lý cho từng khu vực, đồng thời đáp ứng yêu cầu không chế về chiều cao công trình xây dựng phù hợp quy định về quốc phòng đối với vùng thành phố Hồ Chí Minh.

d) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- + Chuẩn bị kỹ thuật: Cao độ xây dựng:  $\geq 2\text{m}$  (cao độ quốc gia Hòn Dấu).
- + Cấp điện:
  - \* Khu vực đô thị : 1.500kWh/người-năm
  - \* Khu vực nông thôn : 700kWh/người-năm
- + Cấp nước:
  - \* Khu vực đô thị : 150 lít/người-ngày
  - \* Khu vực nông thôn : 80 lít/người-ngày
- + Thoát nước thải bản:
  - \* Khu vực đô thị : 150 lít/người-ngày
  - \* Khu vực nông thôn : 80 lít/người-ngày
- + Vệ sinh đô thị:
  - \* Rác sinh hoạt : 0,8 kg/người-ngày
  - \* Rác công nghiệp : 0,5 tấn/ha/ngày.

## **5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **5.1. Hệ thống giao thông:**

Đường thủy: Duy trì và nâng cấp hệ thống bến và tuyến giao thông thủy liên hệ giữa các xã với nhau và với các địa phương giáp ranh. Nghiên cứu phát triển một số bến phà dự kiến: Bến phà đi Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai; bến phà đi Hiệp Phước, Nhà Bè; bến phà đi Cần Giuộc, Long An; bến phà đi Vũng Tàu... để kết nối giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

Việc xây dựng phát triển cảng biển cần phù hợp với Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm Cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (nhóm Cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Đường bộ: Nâng cấp các tuyến đường nhánh nối trung tâm các xã Tam Thôn Hiệp, An Thới Đông, Lý Nhơn với tuyến đường Rừng Sác đang được nâng cấp mở rộng. Xây dựng đường vành đai kết nối 4 xã phía Bắc: Tam Thôn Hiệp, Bình Khánh, An Thới Đông, Lý Nhơn. Xây dựng tuyến đường dọc biển Cần Thạnh - Long Hòa. Xây dựng tuyến đường bộ nối trung tâm xã đảo Thạnh An với ấp Thiềng Liềng (xã Thạnh An) và các tuyến đường bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

### **5.2. Quy hoạch chiều cao - thoát nước mưa:**

Chọn giải pháp tôn nền hợp lý. Cao độ xây dựng chọn tối thiểu bằng 2,0m. Phát triển hệ thống thoát nước mưa cho khu vực trung tâm huyện và các trung tâm xã. Trung tâm huyện: Sử dụng hệ thống cống ngầm; khu trung tâm xã: Sử dụng hình thức mương xây đập nắp đan. Phần lớn diện tích còn lại sẽ tiêu thoát tự nhiên dựa trên yêu cầu duy trì kênh rạch hiện hữu hợp lý.

### **5.3. Cấp điện:**

Nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia; nhận điện từ trạm 110/22kV An Nghĩa và 110/22kV Cần Giờ.

### **5.4. Cấp nước:**

Nguồn nước cấp: Từ hệ thống cấp nước thành phố thông qua 2 tuyến ống cấp nước  $\Phi$  500 đến  $\Phi$  250 đi song song trên trục đường chính nội thành đi Cần Giờ để tiếp nhận nguồn nước từ Nhà máy nước BOT Thủ Đức và tuyến  $\Phi$  900 đi theo Hương lộ 39 cấp cho Khu Công nghiệp Hiệp Phước tăng cường bổ sung.

5.5. Thoát nước bản, vệ sinh môi trường:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước bản riêng biệt.

+ Đối với khu dân cư: Nước thải bản sẽ được tập trung đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu vực.

+ Đối với khu công nghiệp: Nước thải công nghiệp được thu gom vào hệ thống cống riêng và xử lý theo từng khu công nghiệp trước khi thoát vào kênh rạch gần nhất.

- Vệ sinh đô thị: Rác được phân loại và đưa về khu xử lý rác của huyện. Đề xuất di dời khu vực nghĩa trang và xử lý rác ở phía Nam để phù hợp với hướng phát triển của thị trấn; bố trí nhà vệ sinh công cộng tại các khu trung tâm, tại các cây xăng và các khu thương mại - dịch vụ. Bãi rác, nghĩa trang được bố trí bổ sung tại khu vực xã Lý Nhơn (khoảng 100ha).

## 6. Một số vấn đề lưu ý:

- Huyện Cần Giờ có khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn cần được bảo vệ. Do vậy, khi nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ cần hạn chế tối đa việc quy hoạch xây dựng có ảnh hưởng đến khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ.

- Ngoài việc cập nhật đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị du lịch lấn biển (quy mô 600 ha) và đảm bảo việc nối kết về hạ tầng với khu vực lân cận, cần nghiên cứu mở rộng ranh và diện tích khu đô thị lấn biển theo ý kiến chỉ đạo của Bí thư Thành ủy Lê Thanh Hải tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Cần Giờ (Thông báo số 140/TB-TU ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Văn phòng Thành ủy).

- Cần nghiên cứu xem xét hệ thống đường giao thông kết nối 2 xã Lý Nhơn và Long Hòa, khu vực bãi rác và nghĩa trang tại xã Lý Nhơn.

- Trong quá trình nghiên cứu đồ án quy hoạch chung xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cần phối hợp với Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố đưa ra các mô hình ở đối với khu dân cư hiện hữu cải tạo, mô hình ở hiện đại đối với khu đô thị mới và mô hình ở của khu dân cư nông thôn. Đồng thời cần nghiên cứu thiết kế đô thị đối với các trục đường giao thông chính của huyện và trong các khu đô thị mới.

- Dựa vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm phối hợp với Sở - ngành thành phố có liên quan để lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh mục các chương trình đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự nêu trên để cụ thể hóa trong công tác lập quy hoạch chung xây dựng.

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ và trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4830/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2007*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt dự án Cải thiện thu nhập hộ nông dân thông qua  
sản xuất nông nghiệp tổng hợp hợp tác giữa Hội Nông dân thành phố  
Hồ Chí Minh với tổ chức Heifer International (Mỹ)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 04/2001/TT-BKH ngày 05 tháng 6 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Xét Tờ trình số 10/TT-HND ngày 04 tháng 10 năm 2007 của Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh về dự án “Cải thiện thu nhập hộ nông dân thông qua sản xuất nông nghiệp tổng hợp”;

Xét Công văn số 456/LH-2007/PCPNN ngày 26 tháng 9 năm 2007 của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố tại Tờ trình số 6450/TTr-SKHĐT ngày 09 tháng 10 năm 2007,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt dự án Cải thiện thu nhập hộ nông dân thông qua sản xuất nông nghiệp tổng hợp với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải thiện thu nhập hộ nông dân thông qua sản xuất nông nghiệp tổng hợp.

2. Chủ dự án: Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổ chức tài trợ: Heifer International (Mỹ).

4. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

5. Mục tiêu dự án:

Tăng thu nhập cho tất cả hộ gia đình tham gia đề án và các hộ gia đình này sẽ chuyển giao sản phẩm bò cái sinh sản cho các hộ gia đình khác.

6. Địa điểm thực hiện dự án: phường Long Phước, quận 9; xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh và xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi.

7. Hoạt động và kết quả chính của dự án:

- Tăng thu nhập cho tất cả các hộ nông dân nghèo là thành viên tham gia thực hiện đề án, chương trình đề án ngày càng mở rộng nhờ hình thức chuyển giao sản phẩm bò cái sinh sản.

- Giải quyết việc làm cho những hộ trong chương trình xóa đói, giảm nghèo.

- Đoàn kết, hợp tác các hộ nông dân nghèo để cùng nhau phấn đấu vượt nghèo, phát triển đi lên.

- Chuyển giao thông tin khoa học kỹ thuật đến từng hộ nông dân nghèo.

- Bằng hình thức chăn nuôi bò xây dựng được Tổ vượt nghèo, mục tiêu giảm sự phân hóa giữa hộ nông dân nghèo và hộ nông dân giàu ở vùng nông thôn.

8. Tổng giá trị dự án: 1.950.000.000 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Vốn viện trợ: 1.950.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng: không.

9. Hình thức viện trợ: Không hoàn lại thông qua dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 10 năm 2010.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ dự án trực tiếp quản lý dự án.

**Điều 2.** Hội Nông dân thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm:



- Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

- Làm việc với tổ chức tài trợ về gia hạn giấy phép lập văn phòng dự án tại Việt Nam theo quy định, trước khi triển khai thực hiện dự án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

## QUẬN TÂN BÌNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2007/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 01 tháng 10 năm 2007*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành mức thu phí chợ Tân Bình, Phạm Văn Hai,  
Hoàng Hoa Thám, Bà Cát**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 341/TCKH ngày 17 tháng 9 năm 2007 của Phòng Tài chính - Kế hoạch,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành mức thu phí tại các chợ: Tân Bình, Phạm Văn Hai, Hoàng Hoa Thám và Bà Cát như sau:

Đơn vị tính: 1.000đ/m<sup>2</sup>/tháng

Số TT	Ngành hàng	Chợ Tân Bình	Chợ Phạm Văn Hai	Chợ Hoàng Hoa Thám	Chợ Bà Cát
01	Vàng bạc	126	108	60	60
02	Kim khí điện máy	75	45	40	40
03	Hàng vải	90	60	40	40
04	Mỹ phẩm (hàng ngoại)	81	60	40	40
05	Quần áo				
	- Trong nhà lồng chợ	90	60	35	30
	- Ngoài nhà lồng chợ	90	45	35	30
06	Băng, đĩa nhạc, túi xách, đồng hồ, mắt kiếng	45	45	30	30
07	Bách hóa tạp phô	45	45	30	20
08	Ăn uống giải khát	63	45	30	30
09	Lương thực chế biến	36	30	25	25
10	Thực phẩm chế biến	36	45	30	25
11	Thực phẩm tươi sống (heo, bò)	36	60	40	40
12	Thực phẩm tươi sống (cá, ốc, sò...)	36	30	40	40
13	Thực phẩm tươi sống (gà, thủy hải sản...)	36	45	40	40
14	Rau, quả	30	30	25	25
15	Hoa	30	45	25	25
16	Các loại dịch vụ (bưu điện, ngân hàng, cắt uốn tóc...)	126	30	25	25
17	Vé tiền chõ (bán lưu động)	3 - 5			

Mức phí trên áp dụng đối với người buôn bán có điểm kinh doanh, cửa hàng, cửa hiệu (kios), có hợp đồng thuê điểm kinh doanh, hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ và người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ.

Đối với các phương tiện vận chuyển hàng hóa vào chợ thì mức thu phí được áp dụng đúng theo Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Căn cứ vào mức thu phí chợ theo quy định tại Điều 1, căn cứ vào đặc điểm tình hình của từng chợ; giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm phối hợp Phòng Kinh tế và Ban Quản lý các chợ đề xuất mức tỷ lệ phần trăm (%) mức thu phí để lại của các chợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt theo định kỳ hàng năm. Thời hiệu để tính mức thu phí theo Quyết định này sẽ được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2007.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Ban Quản lý các chợ Tân Bình, Phạm Văn Hai, Hoàng Hoa Thám, Bàu Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Thái Thị Dư**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

**Giá: 5.000 đồng**